TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 298/2018/DS-ST
Ngày: 30 - 11 - 2018
V/v tranh chấp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân.

2. Ông Võ Văn Tám.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 về: "Tranh chấp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Thị Th (Th), sinh năm 1973. Cư trú tổ 3, ấp Phú Q, xã Phú Th, huyện P T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Thái Ngọc N, sinh năm 1980 (tự M) và Dương Thị B (B), sinh năm 1980. Cùng cư trú tổ 19 ấp Phú Q, xã Phú Th, huyện P T, tỉnh An Giang.

- Người làm chứng; Trần Quang Tr: Phó ban ấp Phú Q, xã Phú Th, P T, An Giang. Cư trú ấp Phú Q, xã Phú Th, huyện P T, tỉnh An Giang.

(Chị Th có mặt, anh N, chị B và anh Tr vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13- 8- 2018 (bút lục 12), biên bản lấy lời khai ngày 19- 10- 2018 (bút lục 46) của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thì chị Phan Thị Th khai: Chị là chủ hụi, vợ chồng anh N, chị B là hụi viên và có tham gia các dây hụi sau đây:

- Dây hụi 2.000.000đ, một tháng khui một lần vào ngày 06- 7- 2015, tổng số 24 phần, anh N và chị B vào một phần, trong giấy chơi hụi ở số thứ tự 21 ghi tên B và M (bút lục 05).

- Dây hụi 3.000.000đ, một tháng khui một lần vào ngày 17- 11-2015, tổng số 21 phần, anh N và chị B vào một phần, trong giấy chơi hụi ở số thứ tự 11 ghi tên B và M (bút lục 04).

- Dây hụi 2.000.000đ, một tháng khui một lần vào ngày 29- 02-2016, tổng số 21 phần, anh N và chị B vào một phần, trong giấy chơi hụi ở số thứ tự 12 ghi tên B và M (bút lục 02).

- Dây hụi 2.000.000đ, một tháng khui một lần vào ngày 15- 4-2016, tổng số 18 phần, anh N và chị B vào một phần, trong giấy chơi hụi ở số thứ tự 15 ghi tên B và M (bút lục 03).

Bốn dây hụi trên đây, chị B, anh N đã hốt hết và có chầu lại hụi chết nhưng còn các lần cuối chưa chầu tổng số là 100.000.000đ, có đòi nhiều lần lúc bấy giờ vào ngày 02- 02- 2017 đôi bên cùng đến tại văn phòng ấp Phú Q xã Phú Th, P T, An Giang gặp anh Trần Quang Tr là phó ban ấp Phú Quới làm dùm tờ cam kết, nội dung: Anh N và B đã hốt hụi trước, chầu lại đến nay còn thiếu chị 100.000.000đ, cam kết mỗi tháng sẽ trả 5.000.000đ. Kể từ tháng 02 năm 2017 đến khi dứt nợ. Sau đó đã trả nhiều lần được 12.000.000đ, hiện nay còn thiếu 88.000.000đ.

Yêu cầu anh N và chị B phải trả dứt điểm 88.000.000đ.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 19- 10- 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân (bút lục 45) thì anh Trần Quang Tr khai: Anh là phó ban ấp Phú Quới xã Phú Thành, Phú Tân, An Giang. Vào ngày 02- 02- 2017, chị Th và chị có đến văn phòng ấp Phú Quới yêu cầu anh làm dùm tờ cam kết về việc vợ, chồng chị B (B), anh N (M) thiếu tiền hụi của chị Th. Nội dung cam kết: Anh N và chị B đã hốt hụi trước, chầu lại đến nay còn thiếu chị Th 100.000.000đ, cam kết mỗi tháng sẽ trả 5.000.000đ. Kể từ tháng 02 năm 2017 đến khi dứt nợ. Nhưng Sau đó chị Th báo cho anh biết là N và B chỉ trả nhiều lần được 12.000.000đ thì ngưng trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1}. Về hình thức thủ tục tố tụng:

{1.1} Chị Th yêu cầu chị B và anh N trả tiền hụi, đây là quan hệ tranh chấp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

{1.2} Tờ cam kết làm ngày 02-02-2017 về việc trả tiền hụi, đến ngày 28 tháng 8 năm 2018 Tòa án thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của chị Th. Như vậy theo Điều 429 Bộ luật dân sự thì chị Th còn thời hiệu khởi kiện.

{1.3} Chị B và anh N đã được triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh, chị đều vắng mặt, vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được (bút lục các số: 29, 30, 43, 44).

{1.4} Anh N và chị B đã được triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy HĐXX căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh, chị.

{2} Về nội dung:

{2.1} Quan hệ tranh chấp giữa chị Th với chị B anh N phát sinh từ tranh chấp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

{ 2.2}Chị Th kiện đòi chị B và anh N trả số tiền 88.000.000đ, được chứng minh tờ cam kết làm ngày 02- 02- 2017 do anh Trần Quang Tr phó Ban ấp Phú Quới, xã Phú Thành, Phú Tân, An Giang làm dùm tại văn phòng ấp Phú Quới, xã Phú Thành. Nội dung: Anh N và chị B đã hốt hụi trước, chầu lại đến nay còn thiếu chị T 100.000.000đ, cam kết mỗi tháng sẽ trả 5.000.000đ. Kể từ tháng 02 năm 2017 đến khi dứt nợ. Sau đó đã trả nhiều lần được 12.000.000đ, hiện nay còn thiếu 88.000.000đ, đối với chị B và anh N đã được triệu tập lần thứ hai để hòa giải nhưng đều vắng mặt. Đối chiếu lời khai của anh Trần Quang Tr thì: Anh là phó ban ấp Phú Quới xã Phú Thành, Phú Tân, An Giang. Vào ngày 02- 02- 2017, chị Th và chị B có đến văn phòng ấp Phú Quới yêu cầu anh viết dùm tờ cam kết về việc vợ, chồng chị B (B) và anh N (M) thiếu tiền hụi của chị Th, nội dung cam kết: Anh N và chị B đã hốt hụi trước, chầu lại đến nay còn thiếu chị Th 100.000.000đ, cam kết mỗi tháng sẽ trả 5.000.000đ. Kể từ

tháng 02 năm 2017 đến khi dứt nợ. Nhưng Sau đó chị Th báo cho anh biết là anh N và chị B chỉ trả nhiều lần được 12.000.000đ và ngưng trả.

Với những tình tiết trên đây cho thấy chị Th yêu cầu chị B và anh N phải trả tiền hụi 88.000.000đ là hoàn tòan có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận và buộc anh chị phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho chị Th, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính Phủ.

Tại phiên tòa chị Thủy khai có nhận được thông tin anh N, chị B sẽ bán căn nhà và nền đất do nhà nước bán trả chậm cho họ ở tuyến dân cư, nhưng không biết bán cho ai và bao nhiêu tiền, HĐXX nên có biện pháp ngăn chặn. Sau khi được HĐXX giải thích về thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải có đơn yêu cầu ghi rõ đặc điểm tài sản và phải có giấy tờ chứng minh tài sản đó là của anh N, chị B, đồng thời phải nộp tiền đảm bảo thì chị Th không yêu cầu, vì vậy HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự:

- Yêu cầu khởi kiện của chị Th được chấp nhận, vì vậy chị B và anh N phải chịu án dân sự sơ thẩm theo khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự là 4.400.000đ.

[5]- Phát biểu ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về việc Thẩn phán, HĐXX, thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên đối với anh N và chị B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm. Về nội dung, chị Th yêu cầu chị B và anh N trả tiền hụi là có căn cứ pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 429; Điều 471; Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính Phủ.

Tuyên xử:

- Buộc chị Dương Thị B (tự B) và anh Thái Ngọc N (tự M) phải cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho chị Phan Thị Th (tự Th) số tiền hụi là 88.000.000đ (Tám mươi tám triệu đồng chẵn).

- Về án phí DSST:

+ Anh N và chị B phải chịu 4.400.000đ (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn).

+ Chị Th không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.200.000đ (Hai triệu, hai trăm ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu số 0007049 ngày 28- 8- 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày chị Th có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên anh N và chị B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các anh N và chị B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thành Dũng

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.